TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HSST
Ngày 21 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thúy
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bế Văn Hạnh và bà Hoàng Thị Gấm
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Phương Thảo- Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng tham gia phiên toà*: Bà Lục Thị Hà- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 2- Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2026. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn C; Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1987 tại xã Đ, tỉnh An Giang; Nơi thường trú: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện tại: Xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Số Thẻ CCCD: 09208700667x, Cấp ngày 07 tháng 11 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C4; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 và con bà: Phan Thị C1 (đã chết); Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xử 01 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 23/11/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2026, hiện đang bị tạm giam tại Điểm giam giữ số 2 –Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C theo Quyết định tạm giam số 3301/2026/HSST-QĐTG ngày 21/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng. Có mặt.

2- Phan Văn T; Sinh ngày 08 tháng 3 năm 1985 tại xã P, tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. Số Thẻ CCCD: 05208501890x, Cấp ngày 13 tháng 5 năm 2025, nơi cấp: Cục C5 - Bộ C4; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn L, sinh năm 1964 và con bà: Bùi Thị Kim H, sinh năm 1967; Vợ: Lê Thị Quỳnh T1, sinh năm 1990, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh C theo Quyết định tạm giam số 3295/2026/HSST-QĐTG ngày 05/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng. Có mặt.

3- Đoàn Văn T2; Sinh ngày 01 tháng 12 năm 1986 tại xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm M, xã H, tỉnh Nghệ An; Số Thẻ CCCD: 03808603298x, Cấp ngày 19 tháng 8 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C4; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đoàn Văn C2 (đã chết) và con bà: Bùi Thị T3 (đã chết); Vợ: Đinh Thị T4, sinh năm 1986, con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh C theo Quyết định tạm giam số 3294/2026/HSST-QĐTG ngày 05/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng. Có mặt.

4- Lô Văn H1; Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1994 tại xã T, tỉnh Nghệ An. Nơi thường trú: Bản H, xã T, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện tại: Xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Số Thẻ CCCD: 04009401324x, Cấp ngày 21 tháng 02 năm 2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C4; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lô Văn H2 (đã chết) và con bà: Lô Thị C3, sinh năm 1960; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 06/4/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng (theo Quyết định số 60/QĐ-TA). Ngày 25/9/2024 chấp hành xong Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 26/9/2024 Ủy ban nhân dân xã T ra Quyết định số 06/QĐ-UBND quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú từ ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2026.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh C theo Quyết định tạm giam số 3386/2026/HSST-QĐTG ngày 19/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn H1:* Bà Nguyễn Thị T5 –Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ ngày 24/3/2026, Tổ công tác Công an xã Đ, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng phát hiện Lô Văn H1 có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Quá trình kiểm tra, H1 khai nhận bản thân là công nhân của Công ty X đang thi công dự án cao tốc Đ - T đoạn qua xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Trong các ngày 19, 23/3/2026, Lô Văn H1 được cùng Đoàn Văn T2, Phan Văn T và Nguyễn Văn C sử dụng ma túy tại lán của C và Tổng dưới chân cầu bê

tông số 52 thuộc công trường cao tốc. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C triệu tập và làm việc với các đối tượng nêu trên để xác minh làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C và Đoàn Văn T2 khai nhận từ ngày 19/3/2026 đến ngày 24/3/2026 được cùng Phan Văn T và Lô Văn H1 sử dụng ma túy đã nhiều lần tại lán của C và Tổng dưới chân cầu bê tông số 52 thuộc xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Riêng Phan Văn T tại thời điểm kiểm tra không có mặt tại lán công nhân. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể bằng hình thức sử dụng que test nhanh thử nước tiểu, kết quả: Các đối tượng C, H1, T2 đều dương tính với chất ma túy. Quá trình kiểm tra, Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nắp chai nhựa màu đỏ, trên nắp được đục thủng 02 lỗ, trong đó 01 lỗ được gắn với 01 ống nhựa màu trắng (loại ống hút sữa), một lỗ còn lại được gắn 01 ống thủy tình được uốn cong, một đầu có một khối cầu nhỏ, có miệng hở; 01 bật lửa đã qua sử dụng có nắp bật màu tím, trên bật lửa có dòng chữ "HOA VIỆT"; Đoàn Văn T2 tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A38 màu đen, đã qua sử dụng.

Ngày 25/03/2026, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu mẫu nước tiểu của C, H1, T2, sau đó niêm phong và gửi giám định tại Phòng K1 Công an tỉnh B. Tại Kết luận giám định số 1420/KL-KTHS ngày 27/3/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

+ Mẫu nước tiểu ghi thu của Đoàn Văn T2, sinh năm 1986, HKTT Xóm M, xã H, tỉnh Nghệ An, nơi ơ hiện tại X, xã Đ, tỉnh Cao Bằng gửi giám định có tìm thấy Methamphetamine;

+ Mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn C, sinh năm 1987, HKTT: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ, nơi ở hiện tại: Xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng gửi giám định có tìm thấy Methamphetamine

+ Mẫu nước tiểu ghi thu của Lô Văn H1, sinh năm 1994, HKTT: Bản H, xã T, tỉnh Nghệ An, nơi ở hiện tại: Xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng gửi giám định có tìm thấy Methamphetamine;

Methamphetamine là chất ma túy được quy định tại Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính Phủ ban hành các danh mục ma túy và tiền chất.

Tại Kết luận giám định số 192/KL-KTHS ngày 07/4/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh C kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong ống thủy tinh uốn cong gửi đến giám định. Do chất ma túy bám dính trong ống thủy tinh uốn cong quả ít nên không xác định được khối lượng.

Qua xác minh, Lô Văn H1 thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, thời hạn quản lý từ ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2026.

Ngày 08/6/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã bắt được Phan Văn T. Tại Cơ quan điều tra, T đã thừa nhận hành vi của mình, phù hợp với lời khai của các đối tượng khác trong vụ án.

Quá trình điều tra xác định được: Phan Văn T, Đoàn Văn T2, Lê Văn H3 là công nhân làm việc cho Công ty X đang thi công dự án cao tốc Đ - T thuộc địa

phận xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Do không đủ chỗ ở nên T và H3 ra khu vực chân cầu bê tông số 52 thuộc công trường cao tốc, dùng vật liệu tôn, bạt dựng lán để ở. H3 dựng 01 lán, Tổng dựng 02 lán (01 lán Tổng ở, 01 lán sau này C ở), T2 ở tại phòng bảo vệ gần khu tập kết vật liệu tại công trường.

Trước ngày 13/3/2026, do công trường thi công cao tốc thiếu công nhân, Phan Văn T lần lượt gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C và Trương Minh K (trú tại xã T, thành phố Cần Thơ) rủ đến làm công nhân tại công trường, cả hai đồng ý. Khi nói chuyện, C nói khi đến công trường sẽ mang theo ma túy đá đến sử dụng, T nói sẽ góp tiền cho C mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Sau đó T nói với T2 là "mấy hôm nữa có bạn ra đây làm mang theo đồ, mày có chơi không, nếu chơi thì góp mỗi thằng một ít", hiểu ý của T là góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng, T2 đồng ý và chuyển 1.000.000 đồng cho T bằng hình thức chuyển khoản.

Ngày 13/3/2026, Tổng ứng lương với chủ thầu xây dựng là Nguyễn Văn T6 và Đinh Thị P số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Ngày 14/3/2026, T chuyển khoản số tiền ứng trước lương cho C 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) và chuyển thêm cho C số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng) nói là tiền T2 góp để mua ma túy.

Tổng cũng đã chuyển tiền ứng trước lương cho K số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng), tuy nhiên sau khi nhận tiền K không đi làm. Ngày 15/3/2026, T gọi điện thoại nhờ C qua nhà K (gần nhà C) lấy lại số tiền 1.000.000đồng mà K đã ứng trước và dùng số tiền này góp với C để mua ma túy.

C dùng số tiền T2 và Tổng góp, đồng thời bỏ ra thêm 500.000 đồng đi đến khu vực số A, xã T, thành phố Cần Thơ tìm và mua được 01 ống nhựa bịt hai đầu, bên trong đựng ma túy "Đá" (Methamphetamine) với một người đàn ông không biết tên và địa chỉ với giá 2.500.000 đồng. Ngày 15/3/2026 C đi xe khách đến xã Đ, tỉnh Cao Bằng làm công nhân như đã hẹn và có mang theo số ma túy vừa mua được cùng 01 ống thủy tinh thân uốn cong, một đầu hình cầu rỗng ruột để sử dụng ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 19/3/2026, C đến công trường tại xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Tổng đón và đưa C đến ở tại 01 lán trước đó Tổng đã dựng sẵn. Sau đó, các đối tượng nhiều lần tổ chức sử dụng ma túy tại lán của C và T, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 19 giờ 19/3/2026, sau khi ăn cơm xong, C nói với T "giờ chơi ở đâu được anh", T nói "vào lán của mày đi". C hiểu ý và nhờ T đi tìm 01 vỏ chai nhựa và 01 ống hút nhựa để chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, T nhờ một nam thanh niên không biết tên và địa chỉ tìm giúp rồi mang các dụng cụ nói trên đến lán. C dùng kéo dục lỗ, cắm ống nhựa và ống thủy tinh và đổ ma túy đá vào ống thủy tinh chế thành dụng cụ sử dụng ma túy (Cóng). Khoảng 20 phút sau, T gọi T2 và H3 vào lán của C để sử dụng ma túy. C dùng bật lửa đốt ma túy đá cho T2 sử dụng, sau đó đến Tổng, H3 tự đốt ma túy để sử dụng, C là người tự đốt sử dụng cuối cùng, hút luân phiên mỗi người 3 đến 4 hơi thì dừng. Sau khi sử dụng ma túy đá xong thì T2, H3 và T lần lượt trở về lán. C tháo vỏ chai nước gắn ở dụng cụ sử dụng ma túy ném ra ngoài lán; nắp chai gắn ống nhựa, ống thủy tinh và ma túy đá C cho vào túi nilong màu hồng cất giấu trong lán, mục đích để sử dụng trong các lần sau.

Lần 2: Khoảng 19 giờ ngày 20/3/2026, T, T2 tiếp tục đến lán của C để sử dụng ma túy. Do ống thủy tinh sử dụng ma túy C cất giấu đã bị vỡ nên T2 mang đến 01 ống thủy tinh có đặc điểm tương tự (T2 nhặt được trước đó). Tổng chuẩn bị 01 chai nhựa đựng nước. Sau đó C tiếp tục chế tạo các dụng cụ và đổ ma túy đá vào để sử dụng ma túy. Chuẩn bị xong dụng cụ, T dùng bật lửa đốt ma túy cho T2 rồi Tổng tự đốt ma túy, cuối cùng C tự đốt ma túy để sử dụng, hút luân phiên mỗi người 2 đến 3 hơi thì dừng. Sử dụng xong Tổng và T2 đi về lán, Công vặn và bỏ vỏ chai nước gắn ở dụng cụ sử dụng ma tuy ra vứt ra ngoài lán, còn nắp chai gắn ống nhựa, ống thủy tinh và ma túy đá C cho vào túi nilong màu hồng cất giấu trong lán để sử dụng trong các lần tiếp theo.

Lần 3: Khoảng 19 giờ ngày 23/3/2026, do lán của C có thêm 2 công nhân nữa đến ở nên C mang theo dụng cụ sử dụng ma túy và ống đựng ma túy đến lán của T để sử dụng. C nhặt lấy 01 vỏ chai nhựa đổ nước vào rồi vặn nắp có gắn ống thủy tinh và ống nhựa vào chai rồi lấy hết số ma túy đá còn lại bỏ vào hình cầu của ống thủy tinh để sử dụng. C gọi điện thoại cho T2 đến lán của T. C là người đốt ma túy cho T2, còn T và C tự đốt ma túy để sử dụng, lần lượt hút mỗi người 2 đến 3 hơi thì dừng. Sử dụng xong, T2 đi về lán ngủ. Một lúc sau, H3 một mình đến lán của T xin C cho sử dụng ma túy, C đồng ý và đốt ma túy cho H3 hút khoảng 3 đến 4 hơi thì dừng. Sau đó C và H3 đi về lán, để dụng cụ sử dụng ma túy ở lán của T.

Lần 4: Khoảng 13 giờ ngày 24/3/2026, sau khi ăn cơm xong C và T2 đến lán của T. Sau đó C dùng bật lửa đốt ma túy cho T2 hút 01 hơi, C tự đốt hút khoảng 2 hơi rồi rời khỏi lán của T, dụng cụ sử dụng ma túy để lại trên giường Tổng. Do mệt nên T nằm trên giường không sử dụng ma túy. Cùng ngày Công an xã Đ phát hiện Lô Văn Hải dương tính với chất ma túy, sau đó tiến hành triệu tập C, Tổng T7 để điều tra làm rõ.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSCBG-KV ngày 21 tháng 7 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Văn C, Đoàn Văn T2, Phan Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Lô Văn H1 về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố; sau khi đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Đoàn Văn T2, Phan Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Lô Văn H1 phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng

Xử phạt: Phan Văn T, Đoàn Văn T2 từ 07 đến 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lô Văn H1 từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận gì.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lô Văn H1: Nhất trí với tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với Lô Văn H1; đề nghị xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo H1; đề nghị miễn án phí cho bị cáo do bị cáo H1 thuộc hộ nghèo; Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo H1 được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Ý kiến đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo H1 đại diện Viện kiểm sát nhất trí; về đề nghị miễn án phí cho bị cáo do bị cáo H1 thuộc hộ nghèo, nếu bị cáo có đơn xin miễn án phí Kiểm sát cũng nhất trí.

Khi nói lời sau cùng, riêng bị cáo Lô Văn H1 không có ý kiến gì, còn các bị cáo khác đều mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với bản Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, Nguyễn Văn C, Phan Văn T, Đoàn Văn T2 cùng nhau góp số tiền 2.500.000đồng (trong đó, T và T2 góp mỗi người 1.000.000đồng, C góp 500.000đồng) để Nguyễn Văn C mua ma túy đá mang từ thành phố Cần Thơ đến công trường thi công dự án cao tốc Đ - T thuộc xóm T, xã Đ, tỉnh Cao Bằng cùng nhau sử dụng. Tại công trường, C, T, T2 cùng Lô Văn H1 nhiều lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/3/2026 tại lán của C, C dùng 01 ống thủy tinh thần cong C mang từ thành phố Cần Thơ ra và 01 vỏ chai nhựa, 01 ống hút Tổng mang đến để

chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy đá. Quá trình sử dụng, C cho ma túy đá vào hình cầu ống thủy tinh để đun nóng, tự mình và đốt ma túy cho T2 sử dụng; cung cấp bật lửa để T, H1 sử dụng.

Lần 2: Ngày 20/3/2026 tại lán của C, T2 cung cấp 01 ống thủy tinh được uốn cong, T cung cấp 01 vỏ chai nhựa để C chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy đá. Quá trình sử dụng, C cho ma túy vào hình cầu ống thủy tinh để đun nóng, T dùng bật lửa tự đốt ma túy và đốt cho T2 sử dụng, Công tự đốt ma túy để sử dụng.

Lần 3: Ngày 23/3/2026 tại lán của T, C lấy 01 vỏ chai nhựa lắp vào dụng cụ ma túy sử dụng trước đó. Quá trình sử dụng, C cho ma túy vào hình cầu ống thủy tính để đun nóng, tự mình và đốt ma túy để T2, H1 sử dụng; cung cấp bật lửa để Tổng tự đốt ma túy sử dụng.

Lần 4: Ngày 24/3/2026 tại lán của Tổng, trong hình cầu ống thủy tinh của dụng cụ sử dụng ma tuy vẫn còn một ít ma túy nên C dùng bật lửa đốt ma túy cho T2, sau đó tự đốt ma túy để sử dụng.

Lô Văn H1 không góp tiền, dụng cụ, địa điểm để sử dụng ma túy. Tuy nhiên H1 thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, thời hạn quản lý từ ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2026.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng truy tố Nguyễn Văn C, Đoàn Văn T2, Phan Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Lô Văn H1 về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện nên cần phải xử lý nghiêm.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn C, Phan Văn T, Đoàn Văn T2 có tính chất rất nghiêm trọng. Các bị cáo phạm tội đồng phạm với tính chất giản đơn. Trong đó, C là nhận tiền đóng góp của T, T2, đồng thời bản thân bị cáo cũng được góp tiền và là người trực tiếp đi mua ma túy, mang ma túy cùng ống thủy tinh từ thành phố Cần Thơ đến công trường. Đồng thời C là người chế tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy đá, cung cấp dụng cụ, địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với Phan Văn T được bàn bạc, thống nhất góp tiền cho C và rủ rê T2 cùng góp tiền mua ma túy "đá" để cùng nhau sử dụng. Tổng được tìm vỏ chai nhựa, ống hút cho C chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy, cung cấp địa điểm sử dụng trái phép chất ma túy. Còn Đoàn Văn T2 được chuyển tiền cho T để gửi C góp tiền tiền mua túy, khi ống thủy tinh do C mang từ Cần Thơ ra bị vỡ, T2 được cung cấp 01 ống thủy tinh uốn cong khác để Công chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy, được cùng T, C, H1 sử dụng ma túy tại lán ở của C và T.

Xét về nhân thân các bị cáo thấy rằng: Đối với bị cáo Nguyễn Văn C đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản vào năm 2017 (đã được xóa án tích); bị cáo T và bị cáo T2 chưa có tiền án, tiền sự; đối với Lô Văn H1 ngày 06/4/2023 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 25/9/2024, H1 chấp hành xong. Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính, H1 chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nên có 01 tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Tất cả các bị cáo đều không có

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cho tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H1, người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Căn cứ vào khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Cần tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi "số 192/KL-KTHS Hoàn lại mẫu sau giám định vụ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; 01 dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nắp chai nhựa màu đỏ, trên nắp được đục thủng 02 lỗ, trong đó 01 lỗ được gắn với 01 ống nhựa màu trắng (loại ống hút sữa), một lỗ còn lại được gắn 01 ống thủy tinh được uốn cong, một đầu có một khối cầu nhỏ, có miệng hở; 01 bật lửa đã qua sử dụng có nắp bật màu tím, trên bật lửa có dòng chữ "HOA VIỆT".

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3 màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt vỡ nhiều chỗ (đã qua sử dụng) của Lô Văn H1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần hoàn trả cho bị cáo H1.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 màu đen, đã qua sử dụng của Đoàn Văn T2 được dùng chuyển tiền cho T góp tiền mua ma túy và dùng để liên lạc với C, T sử dụng ma túy nên cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với điện thoại di động của C, T: Dùng để liên lạc và chuyển khoản ngân hàng góp tiền mua ma túy. Sau khi bị Công an triệu tập, C đưa điện thoại cho Tổng giữ. Tháng 3/2026, T bị tai nạn giao thông, điện thoại của T và C bị vỡ nát và đã vứt đi, không tìm được.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Văn C vào ngày 14/3/2026 tại thành phố Cần Thơ, do không xác định được nhân thân và lý lịch, việc mua bán không ai biết nên không có căn cứ để mở rộng điều tra và xử lý.

Đối với Trương Minh K sau khi nhận số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng lương từ Tổng rồi không đi làm, T sau đó đã nhờ C lấy lại số tiền này từ K và cho C sử dụng luôn số tiền đó để góp tiền mua ma túy. K không biết C lấy mua ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T6 và Đinh Thị P là chủ thầu xây dựng chuyển tiền tạm ứng lương cho T; T6, P không biết T chuyển tiền cho ai, để làm gì nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Văn T và Đoàn Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lô Văn H1 thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Văn T, Đoàn Văn T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; Lô Văn H1 phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: **Nguyễn Văn C *08 năm tù giam***. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 28 tháng 3 năm 2026.

+ Xử phạt: **Phan Văn T *07 năm 09 tháng tù giam***. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

+ Xử phạt: **Đoàn Văn T2 *07 năm 06 tháng tù giam***. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: **Lô Văn H1 *02 năm tù giam***. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 28 tháng 3 năm 2026.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi "số 192/KL-KTHS Hoàn lại mẫu sau giám định vụ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; 01 dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nắp chai nhựa màu đỏ, trên nắp được đục thủng 02 lỗ, trong đó 01 lỗ được gắn với 01 ống nhựa màu trắng (loại ống hút sữa), một lỗ còn lại được gắn 01 ống thủy tinh được uốn cong, một đầu có một khối cầu nhỏ, có miệng hở; 01 bật lửa đã qua sử dụng có nắp bật màu tím, trên bật lửa có dòng chữ "HOA VIỆT".

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 màu đen (đã qua sử dụng), số seerri: LR8PC6VSGUB67TW8, IMEI 1: 869511069237770, IMEL 2: 969511069237762 của Đoàn Văn T2.

- Trả lại cho Lô Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3 màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt vỡ nhiều chỗ (đã qua sử dụng), IMEL 1: 865950074372517, IMEL 2: 865950074372509.

(Các vật chứng trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh C).

3. Về án phí*:* Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Văn T, Đoàn Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Lô Văn H1 được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Nơi nhận*:*
-Toà án tỉnh;
-VKS tỉnh;
-VKSNDKV2-CB;
- Phòng THADSKV2-CB;
- Điểm giam giữ số 2-Phân trại TGTK;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
-Bị cáo;
-THAHS(2);
-L- u HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(*Đã ký)*

Hoàng Thị Thúy